| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

Bản án số: **161**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2026
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Bình
Bà Nguyễn Ngọc Anh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hải Nam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2026/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153 ngày 26/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thủy N**, sinh năm 1999;
Căn cước công dân số 066199010182 cấp ngày 22/12/2024.
Địa chỉ cư trú: tổ A, khu phố A, phường T, Thành phố Đ.
- Bị đơn: Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1996;
Căn cước công dân số 040096009623 cấp ngày 05/11/2022.
Địa chỉ cư trú: Nhà trọ bà Nguyễn Thị T1, tổ C, khu phố I, phường T, Thành phố Đ).

(Bà N có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị Thủy N trình bày:***

- Về hôn nhân: Bà và ông Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An ( nay là xã N, tỉnh Nghệ An) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2018, ngày 26/3/2018.

Trong quá trình sinh sống, vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Tình cảm của vợ chồng không thể hàn gắn, hòa thuận được. Mọi rạn vỡ sứt mẻ tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà còn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng không thể hàn gắn. Vì mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị Thủy N đề nghị Tòa án cho bà được giải quyết ly hôn với ông Võ Văn T.

- Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Võ Thị Gia H, sinh ngày 10/5/2018. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Thị Gia H, sinh ngày 10/5/2018.

- Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu ông Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Võ Văn T được Toà án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không có ý kiến hay chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án.**

***Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai:***

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Thủy N, cho bà Trần Thị Thủy N được ly hôn với ông Võ Văn T; Về con chung: Giao cháu Võ Thị Gia H, sinh ngày 10/5/2018 cho bà Trần Thị Thủy N trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Trần Thị Thủy N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Thủy N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai giải quyết cho ông được ly hôn với ông Võ Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được

xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Trần Thị Thủy N là nguyên đơn, oogn Võ Văn T là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Văn T hiện nay đang cư trú tại Nhà trọ bà Nguyễn Thị T1, tổ C, khu phố I, phường T, Thành phố Đ). Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thủy N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Thủy N có đơn xin vắng mặt tại các phiên toà xét xử, ông T vắng mặt không lý do, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà N và ông T cũng đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thủy N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà và ông Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An ( nay là xã N, tỉnh Nghệ An) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2018, ngày 26/3/2018.

Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo bà N trình bày có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo quy định nhưng ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, điều đó cho thấy ông T đã bỏ mặc hôn nhân của mình không muốn hàn gắn lại với bà N. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông T là có thật. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà N vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với ông T nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Trần Thị Thủy N được ly hôn với ông Võ Văn T.

[5] Về con chung: Bà Trần Thị Thủy N và ông Võ Văn T xác định vợ chồng ông bà có 01 con chung tên Võ Thị Gia H, sinh ngày 10/5/2018. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Thị Gia H, sinh ngày 10/5/2018. Bà N không yêu cầu ông Võ Văn T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không làm việc được với ông T ý kiến về con chung. Hiện nay cháu H còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Mặt khác cháu H có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà N. Do đó, để không làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý cũng như việc ăn ở, học hành của con chung, vì vậy cần thiết giao cháu Võ Thị Gia H, sinh ngày 10/5/2018 cho bà Trần Thị Thủy N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy cần thiết giao

cháu Võ Thị Gia H, sinh ngày 10/5/2018 cho bà Trần Thị Thủy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

Ông Võ Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết

[7] Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông bà Trần Thị Thủy N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Võ Văn T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thủy N, cho bà Trần Thị Thủy N được ly hôn với ông Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Võ Thị Gia H, sinh ngày 10/5/2018 cho bà Trần Thị Thủy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Ông Võ Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thủy N phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp tại biên lai số 0007289 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Đ. Bà Trần Thị Thủy N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Võ Văn T không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thủy N và ông Võ Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND TP. Đồng Nai;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- THADS TP. Đồng Nai;
- UBND xã Nghĩa Khánh, tỉnh Nghệ An;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quỳnh**